

Bản án số: 113 /2019/HSST
Ngày 09/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Trần Xuân Viện;

2. Ông Nguyễn Khắc Mã;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyễn, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2019/TLST-HS, ngày 31 tháng 1 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112 /2019/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Quang C (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01 tháng 3 năm 1992.

- ĐKKHKT: Thôn C, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Cạn.

Nơi ở: Tổ X, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên phòng kinh doanh Doanh nghiệp tư nhân Xuân B (nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn khách sạn, du lịch T); Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1952; Con bà: Đinh Thị H, sinh năm 1955; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Lê Thị Thu T, sinh năm 1991 (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2015.

- **Tiền án, tiền sự:** Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nông Công T, (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05 tháng 5 năm 1992.

- Nơi cư trú: Tổ Y, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nông Dũng C, sinh năm 1956, đã chết; Con bà: Hoàng Thị P, sinh năm 1962, trú tại tổ Y, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; Chưa có vợ, con.

- **Tiền án, tiền sự:** Không.

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Chu Nhật H (tên gọi khác: Không); sinh ngày 11 tháng 8 năm 1990.

- Nơi cư trú: Tổ P, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Chu Minh D, sinh năm 1964; Con bà: Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1966; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Chưa có vợ, con.

- **Tiền án, tiền sự:** Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 133 ngày 15/9/2013 của Công an phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính đối với Chu Nhật H, mức phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. (Hiện nay bị cáo chưa nộp phạt nhưng được áp dụng thời hiệu theo Điều 7 và Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính).

Bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn khách sạn, du lịch T.

Địa chỉ trụ sở: Số 23, tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật : Ông Phạm Văn B, sinh năm 1977; Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1952. Có mặt tại phiên tòa;

Trú tại: Tổ X, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1. Phạm Minh Q, sinh năm 1996. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Huy T1, sinh năm 1984. Vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bùi Thị H, sinh năm 1978. Vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Tổ B, phường Q, thành phố Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Doanh nghiệp tư nhân Xuân B có trụ sở tại số 59, tổ B, phường Q, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tư nhân với mã số doanh nghiệp: 4601064541 (*Đăng ký lần đầu vào ngày 19/04/2012, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 11/01/2016, ngày 05/11/2018 đăng ký thay đổi lần 6 mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) khách sạn du lịch T*), do ông Phạm Văn B (sinh năm 1977, HKTT: tổ B, phường Q, thành phố Thái Nguyên) làm Giám đốc với nhiều ngành nghề kinh doanh trong đó có lĩnh vực cho thuê xe có động cơ (BL: 62-63, 188-193, 204).

Ngày 29/11/2017, ông Phạm Văn B tuyển và ký hợp đồng lao động thời hạn 03 tháng với Nguyễn Quang C, đến ngày 01/4/2018 thì ký hợp đồng không xác định thời hạn. C được phân công làm việc tại Phòng kinh doanh số 3 của doanh nghiệp có trụ sở tại số nhà 59, tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, công việc chuyên môn là nhân viên kinh doanh, nhiệm vụ cụ thể là cho thuê xe mô tô (xe có động cơ), quản lý kho xe, giấy tờ xe, nhận thông tin từ khách hàng thuê xe rồi ghi các thông tin (tên người thuê, hình thức thuê, thời gian thuê...) vào sổ sách của doanh nghiệp, sau đó giao xe cho khách và nhận lại xe, thu tiền khi khách trả xe, nếu khách hàng có yêu cầu giấy tờ xe thì giao giấy tờ xe cho khách. Ngoài ra, nếu khách gọi điện đặt thuê xe và có yêu cầu mang xe đến địa điểm theo yêu cầu thì C phải lấy xe mang đến cho khách, sau khi khách không có nhu cầu thuê nữa thì C đến địa điểm của khách để lấy xe về kho cho doanh nghiệp. Trong hợp đồng lao động có quy định nếu C để xảy ra việc thất thoát tiền, tài sản hay giấy tờ của doanh nghiệp (do lỗi chủ quan) thì C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 100% giá trị tài sản (BL: 78-80).

Khoảng cuối tháng 6/2018, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên C đã mang xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen bạc, BKS: 20B-696.95 của mình đi cầm cố tại quầy cầm đồ của Nguyễn Huy T1 (Sinh năm 1989) địa chỉ tại tổ Y, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên lấy tiền chi tiêu. Cùng thời gian trên, Chu Nhật H là bạn của C cũng mang xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI VIVA (không rõ biển số) cầm cố tại quầy cầm đồ của T1. Sau đó, C và H có thuê nhà nghỉ tại khu vực phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên ở tại đây không về nhà do sợ gia đình biết việc cầm cố xe.

Ngày 28/6/2018, C đến doanh nghiệp tư nhân Xuân B nhận ca trực, do không có phương tiện đi lại nên C đã mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu đỏ - đen – bạc, BKS: 20B1- 952.42 của doanh nghiệp Xuân B (đăng ký xe mang tên Doanh nghiệp tư nhân Xuân B) làm phương tiện đi lại. Thấy C đi chiếc xe lạ tới nhà nghỉ, Chu Nhật H có hỏi thì C nói là xe của doanh nghiệp tư nhân Xuân B nơi C đang làm việc, do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên C đã trao đổi, bàn bạc với Chu Nhật H mang chiếc xe mô tô BKS: 20B1- 952.42 nêu trên đi cầm cố lấy tiền chuộc xe mô tô của cả hai về và tiêu xài cá nhân, H đồng ý. Sau đó, H gọi điện thoại cho Nguyễn Huy T1 trao đổi về việc muốn cầm cố 01 chiếc xe mô tô thì Nguyễn Huy T1 đồng ý, hẹn mang xe đến quầy cầm đồ của T1 để giao dịch. C cùng H mang chiếc xe mô tô BKS: 20B1- 952.42 đến quầy cầm đồ của T1 cầm cố lấy số tiền 10.000.000 đồng, C trả cho T1 7.000.000 đồng là tiền chuộc xe mô tô của H và C (trong đó xe của H là 3.000.000 đồng, xe của C là 4.000.000 đồng), còn lại số tiền 3.000.000 đồng, C và H sử dụng để trả tiền thuê nhà nghỉ và tiền ăn uống của cả hai. Để tránh bị doanh nghiệp phát hiện, C đã ghi vào sổ cho thuê xe của doanh nghiệp tên khách hàng giả là “Kim N” thuê chiếc xe này với hình thức thuê “theo tháng”.

Khoảng đầu tháng 7/2018, do cần tiền tiêu xài nên C tiếp tục mang xe mô tô của mình đi cầm cố cho T1 lấy số tiền 4.000.000 đồng. Cùng thời gian này, Nông Công T là bạn của C cũng mang xe mô tô nhãn hiệu JUPITER, BKS: 20M4- 2331 của T đi cầm cố cho T1 lấy số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó, T có thuê nhà nghỉ ở khu vực phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên để ở vì không có phương tiện đi lại và sợ gia đình biết việc đã cầm cố xe. Quá trình T ở tại nhà nghỉ, C có đến gặp T, C đã trao đổi, bàn bạc với T về việc lấy xe mô tô của doanh nghiệp tư nhân Xuân B đi cầm cố để có tiền chuộc xe của cả hai về và có tiền để tiêu xài, T đồng ý. Cả hai thống nhất C sẽ đến doanh nghiệp Xuân B lấy xe mô tô rồi mang xe tới khu vực đê Nông Lâm, thành phố Thái Nguyên đưa cho T để T mang đến quầy của Nguyễn Huy T1 cầm cố. Ngày 09/7/2018, C đến doanh nghiệp tư nhân Xuân B nhận ca trực và tự ghi vào sổ cho thuê xe của doanh nghiệp thông tin người thuê xe giả là “Phùng Duy K” với hình thức thuê “theo ngày”, rồi mang chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ - đen – bạc, BKS: 20B1-950.12 cùng đăng ký của chiếc xe mô tô này (đăng ký xe mang tên Doanh nghiệp tư nhân Xuân B) tới đê Nông Lâm giao cho T. Sau đó, T mang xe cùng giấy tờ xe cầm cố cho T1 lấy số tiền 9.000.000 đồng, T chuộc xe của C và T hết 7.000.000 đồng (trong đó xe của C là 4.000.000 đồng, xe của T là 3.000.000 đồng), còn lại số tiền 2.000.000 đồng, T đưa cho C trả tiền nhà nghỉ và chi trả tiền ăn uống của cả hai.

Đến khoảng ngày 10/7/2018 - 11/7/2018, C và T lại tiếp tục cầm cố 02 chiếc xe mô tô của mình cho T1 lấy số tiền 7.000.000 đồng chi tiêu cá nhân.

Ngày 15/7/2018, do hết tiền nên C lại bàn bạc với T tiếp tục lấy xe mô tô của doanh nghiệp tư nhân Xuân B đi cầm cố, C và T thống nhất kế hoạch như lần trước đã thực hiện. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, C đã thực hiện việc vào sổ với tên khách hàng giả là “T” với hình thức thuê xe “theo ngày” rồi lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đen bạc, BKS: 20F1- 135.34 của doanh nghiệp tư nhân Xuân B (đăng ký xe mang tên chị Phạm Thị N, sinh năm 1965, địa chỉ: Phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, chiếc xe này chị N đã cầm cố cho doanh nghiệp Xuân B từ ngày 20/01/2016 để vay số tiền 6.000.000 đồng, đến nay đã thanh lý hợp đồng nên đã là tài sản của doanh nghiệp Xuân B), mang chiếc xe cùng giấy tờ xe đến vị trí đã hẹn ở khu vực đê Nông Lâm, thành phố Thái Nguyên chuyển cho T. T mang xe cùng giấy tờ cầm cố cho T1 lấy số tiền 8.000.000 đồng, T chuộc xe của C và T hết 7.000.000 đồng (trong đó xe của C là 4.000.000 đồng, xe của T là 3.000.000 đồng), còn lại số tiền 1.000.000 đồng, T đưa cho C trả tiền nhà nghỉ và chi trả tiền ăn uống của cả hai.

Khoảng ngày 17/7/2018 - 18/7/2018, C có bảo T cầm cố xe của T để lấy tiền trả tiền nhà nghỉ, tiền ăn uống và hứa hẹn sẽ tìm cách để chuộc xe cho T, T đồng ý và đã mang xe mô tô của T cầm cố cho T1 lấy số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 22/7/2018, C lại trao đổi, bàn bạc với T tiếp tục lấy xe mô tô của doanh nghiệp Xuân B để cầm cố, cả hai nhất trí và thống nhất kế hoạch như hai lần trước đã thực hiện. C đến nhà nghỉ N tại xóm X, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (là cơ sở kinh doanh thuộc doanh nghiệp tư nhân Xuân B do bà Bùi Thị H, sinh năm 1978, HKTT: Tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên quản lý) nói dối chị H cần lấy xe về để giao cho khách, chị H tin tưởng đã giao xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ - đen – bạc, BKS: 20B1-952.93 cùng đăng ký xe cho C (đăng ký xe mang tên Doanh nghiệp tư nhân Xuân B, trước đó C đã mang chiếc xe này đến nhà nghỉ N để phục vụ việc đi lại của nhân viên nhà nghỉ). Sau khi lấy được xe, C quay lại kho xe của doanh nghiệp Xuân B tại số nhà 59, tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên vào sổ cho thuê xe của doanh nghiệp tên khách thuê giả là “T” rồi mang xe đến khu vực đê Nông Lâm, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giao xe cùng đăng ký xe cho T. T mang xe cùng giấy tờ cầm cố cho T1 lấy số tiền 7.000.000 đồng, T chuộc xe của T hết 3.000.000 đồng, còn lại số tiền 4.000.000 đồng, T đưa cho C trả tiền nhà nghỉ và chi trả tiền ăn uống của cả hai.

Do không còn khả năng để trả nợ và sợ doanh nghiệp tư nhân Xuân B phát hiện nên C đã bỏ trốn. Sau khi không thấy C đến làm việc, doanh nghiệp tư nhân Xuân B tiến hành kiểm tra kho xe và phát hiện C đã chiếm đoạt 04 chiếc xe mô tô của doanh nghiệp nên ngày 13/8/2018, chị Lê Thị Hồng P (Sinh năm 1990, HKTT: Xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên) là Trưởng phòng

kinh doanh số 3 của doanh nghiệp tư nhân Xuân B đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Công an đề nghị giải quyết (BL: 43-44).

Tại bản Kết luận số 332/HĐĐGTS ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, đã qua sử dụng, BKS: 20B1-952.42, số máy: JA39E0024682, số khung: 3900HY024687. Định giá: 14.700.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, đã qua sử dụng, BKS: 20B1-950.12, số máy: JA39E0054530, số khung: 3907HY054429. Định giá: 14.700.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, đã qua sử dụng, BKS: 20F1-135.34, số máy: C12E3342497, số khung: Y542459. Định giá: 7.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ đen bạc, đã qua sử dụng, BKS: 20B1-952.93, số máy: JA39E0059923, số khung: 39XHY05985. Định giá: 14.700.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là 51.100.000 đồng (BL: 154).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quang C, Nông Công T, Chu Nhật H đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, biên bản nhận dạng, lời khai của đại diện bị hại, lời khai của người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản (BL).

Ngày 23/9/2018, ông Nguyễn Quang Đ là bố đẻ của Nguyễn Quang C đã tự nguyện đi chuộc 04 chiếc xe mô tô BKS: 20B1-952.42, BKS: 20B1-952.93, BKS: 20B1-950.12, BKS: 20F1-135.34 cùng đăng ký xe trả lại cho doanh nghiệp tư nhân Xuân B quản lý. Ông Phạm Văn B - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân Xuân B đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Quang C.

Vật chứng của vụ án:

- 04 chiếc xe mô tô BKS: 20B1-952.42, BKS: 20B1-952.93, BKS: 20B1-950.12, BKS: 20F1-135.34, hiện đã được thu hồi, trả lại cho doanh nghiệp tư nhân Xuân B quản lý, sử dụng.

- 01 quyển sổ nhãn hiệu Hồng Hà – PATTERNS A4 ghi tên “Sổ thuê xe” (do doanh nghiệp Xuân B giao nộp); 01 quyển sổ nhãn hiệu Minh Châu – Notebook A7 (do Nguyễn Huy T1 giao nộp) được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 82/KSĐT- KT ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Quang C, Nông Công T** về tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự; bị can **Chu Nhật H** về tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Nguyễn Quang C, Nông Công T, Chu Nhật H khai do không có tiền tiêu sài và để chuộc xe mô tô của mình đã cầm cố cho Nguyễn Huy T1 nên C đã bàn bạc với Chu Nhật H, Nông Công T mang xe của Doanh nghiệp tư nhân Xuân B (nay là Công ty THNN khách sạn, du lịch T mang đi cầm cố cho Nguyễn Huy T1 để lấy tiền chuộc xe của các bị cáo đã cầm cố trước đó và lấy tiền tiêu sài. Cụ thể:

Ngày 28/6/2018, Nguyễn Quang C cùng với Chu Nhật H thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ - đen – bạc, BKS: 20B1-952.42 trị giá 14.700.000 đồng của doanh nghiệp tư nhân Xuân B mang đi cầm cố cho Nguyễn Huy T1 được số tiền 10.000.000 đồng, cả hai đã sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/7/2018, Nguyễn Quang C cùng với Nông Công T thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ - đen – bạc, BKS: 20B1-950.12 trị giá 14.700.000 đồng của doanh nghiệp tư nhân Xuân B mang đi cầm cố cho Nguyễn Huy T1 được số tiền 9.000.000 đồng, cả hai đã sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/7/2018, Nguyễn Quang C cùng với Nông Công T thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ – bạc, BKS: 20F1-135.34 trị giá 7.000.000 đồng của doanh nghiệp tư nhân Xuân B mang đi cầm cố cho Nguyễn Huy T1 được số tiền 8.000.000 đồng, cả hai đã sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 22/7/2018, Nguyễn Quang C cùng với Nông Công T thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đỏ - đen – bạc, BKS: 20B1-952.93 trị giá 14.700.000 đồng của doanh nghiệp tư nhân Xuân B mang đi cầm cố cho Nguyễn Huy T1 được số tiền 7.000.000 đồng, cả hai đã sử dụng số tiền trên để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Quang C đã chiếm đoạt của doanh nghiệp tư nhân Xuân B là 51.100.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt tài sản của Doanh nghiệp tư nhân Xuân B, Nguyễn Quang C đã nhờ bố đẻ là ông Nguyễn Quang Đ đi chuộc xe về để trả lại cho doanh nghiệp. Ngày 23/9/2018, ông Nguyễn Quang Đ là bố đẻ của Nguyễn

Quang C đã tự nguyện đi chuộc 04 chiếc xe mô tô BKS: 20B1-952.42, BKS: 20B1-952.93, BKS: 20B1-950.12, BKS: 20F1-135.34 cùng đăng ký xe trả lại cho doanh nghiệp tư nhân Xuân B quản lý. Các bị cáo Nguyễn Quang C, Nông Công T, Chu Nhật H thống nhất với tội danh và khung hình phạt như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố, không có oan sai.

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang C, Nông Công T, Chu Nhật H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Quang C từ 7 năm sáu tháng đến 08 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Nông Công T từ 07 năm đến 07 năm sáu tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 353 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Chu Nhật H từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận, chỉ xin HĐXX xét xem cho được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm hòa nhập cộng đồng, thành người có ích cho xã hội.

Các cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành cá Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Nguyễn Quang C là nhân viên hợp đồng của Doanh nghiệp tư nhân Xuân B được phân công làm việc tại Phòng kinh doanh số 3 của doanh nghiệp có trụ

sở tại số nhà 59, tổ B, phường Q, thành phố Thái Nguyên, công việc chuyên môn là nhân viên kinh doanh, nhiệm vụ cụ thể là cho thuê xe mô tô (xe có động cơ), quản lý kho xe, giấy tờ xe, nhận thông tin từ khách hàng thuê xe rồi ghi các thông tin (tên người thuê, hình thức thuê, thời gian thuê...) vào sổ sách của doanh nghiệp, sau đó giao xe cho khách và nhận lại xe, thu tiền khi khách trả xe, nếu khách hàng có yêu cầu giấy tờ xe thì giao giấy tờ xe cho khách. Ngoài ra, nếu khách gọi điện đặt thuê xe và có yêu cầu mang xe đến địa điểm theo yêu cầu thì C phải lấy xe mang đến cho khách, sau khi khách không có nhu cầu thuê nữa thì C đến địa điểm của khách để lấy xe về kho cho doanh nghiệp. Trong hợp đồng lao động có quy định nếu C để xảy ra việc thất thoát tiền, tài sản hay giấy tờ của doanh nghiệp (do lỗi chủ quan) thì C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 100% giá trị tài sản. Do không có tiền để chuộc xe mô tô của mình đã cầm cố cho Nguyễn Huy T1 nên C đã bàn bạc với Chu Nhật H, Nông Công T mang xe của Doanh nghiệp tư nhân Xuân B (nay là Công ty THNN khách sạn, du lịch T) mang đi cầm cố cho Nguyễn Huy T1 để lấy tiền chuộc xe của các bị cáo đã cầm cố trước đó và lấy tiền tiêu sài. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/6/2018 đến ngày 22/7/ 2018, Nguyễn Quang C đã cùng với Nông Công T chiếm đoạt 03 xe mô tô của doanh nghiệp tư nhân Xuân B có tổng trị giá là 36.400.000 đồng, C cùng với Chu Nhật H chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô của doanh nghiệp tư nhân Xuân B có trị giá là 14.700.000 đồng.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo , Nguyễn Quang C, Nông Công T phạm tội ***“Tham ô tài sản”***, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017, bị cáo Chu Nhật H phạm tội ***“Tham ô tài sản”***, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng truy tố là đúng pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ..., thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

c, Phạm tội 02 lần trở lên;”

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của doanh nghiệp và xâm phạm quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân muốn có tiền để tiêu xài nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi này phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Các Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội, do đó các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Bị Cáo Nguyễn Quang C được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “ người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bố của bị cáo C là người được hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, .

Bị cáo Nông Công T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015,

Bị cáo Chu Nhật H, được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” , “Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” , người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, ông ngoại của bị cáo được tặng thưởng huân chương kháng chiến được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Chu Nhật H là người đã bị xử phạt hành C về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện chứng tỏ bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật kém. Bị cáo Nguyễn Quang C, Nông Công T là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo tu dưỡng tốt để trở thành người lương thiện.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo C tham gia đồng phạm với vai trò là người chủ mưu, thực hiện tội phạm; Nông Công T tham gia với vai trò là người giúp sức tích cực, bị cáo Chu Nhật H tham gia đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản gì nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 353 cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân Xuân B quản lý, sử dụng, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Đối với số tiền ông Nguyễn Quang Đ đã bỏ ra để chuộc xe khắc phục hậu quả cho các bị cáo nhưng không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện việc ông Đ không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền chuộc 04 chiếc xe.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 quyển sổ nhãn hiệu Hồng Hà – PATTERNS A4 ghi tên “Sổ thuê xe” (do doanh nghiệp Xuân B giao nộp); 01 quyển sổ nhãn hiệu Minh Châu – Notebook A7 (do Nguyễn Huy T1 giao nộp) đây là tài liệu lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quang C, Nông Công T, Chu Nhật H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Quang C từ 07 năm 06 tháng (Bảy năm sáu tháng) tù. thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Nông Công T 07 (Bảy) năm tù. thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 353 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 xử phạt Chu Nhật H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc Doanh nghiệp tư nhân Xuân B (nay là Công ty TNHH Khách sạn du lịch T) đã nhận lại tài sản là 04 chiếc xe mô tô BKS: 20B1-952.42, BKS: 20B1-952.93, BKS: 20B1-950.12, BKS: 20F1-135.34 cùng đăng ký xe.

Ghi nhận việc ông Đ không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền chuộc 04 chiếc xe.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- VKS nhân dân TPTN;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Chi cục THA dân sự TPTN;
- Tòa án tỉnh TN;
- UBND nơi bị cáo C; bị cáo T; bị cáo H cư trú
- Lưu;

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hà

